TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Ngọc Hiếu

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Tùng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 316/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Xuân V, sinh năm 1964; HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1961; HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn xin ly hôn ngày 04/5/2017; bản tự khai ngày; các bản tường trình; biên bản làm việc; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn (ông Đỗ Xuân V) trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông V và bà A chung sống với nhau từ năm 1990. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 07/01/2008 thì thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, vợ chồng thường cãi cự, đánh và chửi lẫn nhau nhiều lần. Cụ thể lần gần nhất là ngày 30/4/2017, giữa ông V và bà A đã xảy ra mâu thuẫn, bà A có hành vi dùng dao đe dọa và hành hung ông V. Ông V có trình báo Công an xã Đ và đã được giải quyết. Nguyên nhân sự việc trên là do ngày 29/4/2017, khi ông V chở một người là không rõ nhân thân lai lịch từ nghĩa trang thị trấn D, huyện D đến địa bàn xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh thì ông V không biết vì sao lại mất xe chiếc xe gắn máy. Mặt khác, ông V cho rằng bà A thường hay ghen tuông vô cớ, cho rằng ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng hoàn toàn không có sự việc trên. Điều bà A nói là hoàn toàn không đúng sự thật, chỉ là nghe người khác nói lại cho bà A.

Năm 2010, ông V đã từng làm đơn khởi kiện tại TAND huyện D, sau đó ông V đã rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông V yêu cầu được ly hôn với bà A.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa ông V và bà A có 02 con chung tên Đỗ Xuân M, sinh năm 1991 và Đỗ Thị Ánh H, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ ông V giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân của ông V và bà A, 01 bản sao sổ hộ khẩu; 01 đơn xin xác nhận ngày 15/5/2017; 01 bản sao trích lục kết hôn số 19/TLKH-BS ngày 15/5/2017 của UBND xã Đ; 01 bản sao Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 05/2010/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2010 của TAND huyện D, tỉnh Bình Dương; bản tự khai ngày 04/5/2017; các bản tường trình ngày 18/5/2017 và ngày 25/5/2017. Ngoài ra, ông V không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

* ***Theo bản tự khai; biên bản làm việc; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn (bà Huỳnh Thị A) trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A thống nhất với lời trình bày của ông V về quá trình chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trước yêu cầu ly hôn của ông V, bà A không đồng ý vì những lý do sau: Bà A vẫn còn thương yêu ông V, quá trình chung sống bà A không làm điều gì có lỗi với ông V và gia đình. Bà A muốn vợ chồng cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Bà A cho biết, ngày 29/4/2017, ông V đã lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 61H1- 272.70 là tài sản chung của vợ chồng do ông V đứng tên để chủ sở hữu để đi đâu không rõ. Đến chiều cùng ngày, bà A phát hiện việc ông V không còn đi chiếc xe trên, ông V nói đã bị mất xe tại xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh nên hai bên có xảy ra cự cãi lẫn nhau. Ông V vu khống bà A nói bà A bỏ thuốc mê cho ông V ngủ quên giờ đi làm. Sau đó sự việc đã được Công an xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương hòa giải. Bà A tha thứ cho ông V nhưng ông V vẫn yêu cầu ly hôn thì bà A không đồng ý.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đỗ Xuân M, sinh năm 1991 và Đỗ Thị Ánh H, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà A cung cấp để chứng minh cho ý kiến của mình: Bản tự khai ngày 18/5/2017 và biên bản làm việc ngày 18/5/2017. Ngoài ra, bà A không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

* ***Kết quả xác minh của Tòa án***:

Quá trình chung sống, giữa ông V và bà A thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng địa phương không biết cụ thể nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng một trong những nguyên nhân là do bà A thường hay ghen tuông vô cớ, bà A cho rằng ông V thường có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác từ đó có hành vi đánh nhau, chửi bới và xúc phạm lẫn nhau.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Khanh) có ý kiến*:**

Qúa trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt các bên đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Đỗ Xuân V đối với bị đơn bà Huỳnh Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông V và bà A chung sống với nhau từ năm 1990. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D vào ngày 07/01/2008 là phù hợp nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng ông V và bà A thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân, theo ông V thì bà A thường ghen tuông vô cớ. Do quá ghen tuông, bà A thường có các lời lẽ

hăm dọa, xúc phạm danh dự và có các hành vi bạo lực với ông V. Sự việc mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương xã Đ, huyện D giải quyết nhiều lần và bà A cũng đã có bản cam kết về việc không tái phạm. Do mâu thuẫn trong đời sống chung nên năm 2010, ông V từng gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà A nhưng sau đó đã rút lại đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, ông V thấy rằng mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với bà A. Bà A cho rằng trong đời sống chung, giữa bà A và ông V thường phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn trong gia đình không phải do bà A gây ra, bà A không làm gì có lỗi với ông V và gia đình. Bà A không đồng ý ly hôn với ông V, bà A tha thứ cho các lỗi lầm của ông V và muốn vợ chồng cùng xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2] Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, trong đời sống chung, vợ chồng ông V và bà A đã không thực hiện được các điều ở trên, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, hai bên thường cự cãi, đánh nhau, chính quyền địa phương đã mời ông V và bà A để hòa giải gắn kết tình cảm với nhau nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông V kiên quyết xin ly hôn với bà A. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình giải quyết việc xin ly hôn giữa ông V và bà A là phù hợp quy định pháp luật.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đỗ Xuân M, sinh năm 1991 và Đỗ Thị Ánh H, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[6] *Án phí*: Nguyên đơn ông V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của ông Đỗ Xuân V với bị đơn bà Huỳnh Thị A, xử lý cụ thể như sau:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đỗ Xuân V được ly hôn với bà Huỳnh Thị A.

2/ *Về con chung*: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đỗ Xuân M, sinh năm 1991 và Đỗ Thị Ánh H, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự không tranh chấp, Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Về án phí:

Ông Đỗ Xuân V phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005290 ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 04/7/2017).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- UBND xã Đ, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng